TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/DS-ST
Ngày 26 - 11 - 2019
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Công Nghĩa
2. Ông Trần Xuân Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2019/TLST-TCDS ngày 31 tháng 7 năm 2019 về Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXX-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ: Số 89 đường Láng Hạ, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Thành T – Phó Giám đốc Khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ, Ngân hàng T

Người được ủy quyền lại: ông Đào Tùng L – Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng T

Địa chỉ: Số 108 đường Trần Hưng Đạo, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: ông Trần Văn T, sinh năm: 1977 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm:

1973;

Địa chỉ: thôn N, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2019, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên toà, nguyên đơn Ngân hàng T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng VPBank) trình bày: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L vay vốn tại VPBank theo hai hợp đồng. Cụ thể là Hợp đồng tín dụng số LN1705090047143 ngày 16/05/2017 với số tiền vay là 120.000.000 đồng, lãi suất 8,9%/tháng, cố định trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân, hết thời hạn 6 tháng sẽ điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, thời hạn vay là 72 tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 1508, tờ bản đồ số 06 tại thôn N, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình và Hợp đồng thẻ tín dụng số 199-P-317461 với hạn mức 10.000.000 đồng, lãi suất tại thời điểm ký kết hợp đồng là 2,99%, đến ngày 05/4/2018 tăng lên 3,19% và đến ngày 31/5/2019 tăng lên 3,49%.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số LN1705090047143 ngày 16/05/2017, ông T, bà L đã thực hiện trả nợ với số tiền là 26.444.307 đồng (trong đó, tiền gốc là 16.700.052 đồng, tiền lãi là 9.744.255 đồng). Đến ngày 16/4/2018, ông T, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn 590 ngày. Tính đến ngày 26/11/2019, số tiền nợ gốc, lãi, lãi phạt mà ông T, bà L phải trả cho Ngân hàng VPBank là 137.706.416 đồng (trong đó, số tiền nợ gốc là 103.299.948 đồng, nợ lãi là 31.637.765 đồng, lãi phạt là 2.768.703 đồng)

Đối với Hợp đồng thẻ tín dụng số 199-P-317461, quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà L đã thực hiện trả nợ số tiền là 6.176.389 đồng (trong đó, tiền gốc là 760.000 đồng, tiền lãi là 5.416.389 đồng). Tính đến ngày 26/11/2019, số tiền nợ gốc, nợ lãi mà ông T, bà L phải trả cho Ngân hàng VPBank là 19.970.951 đồng đồng (trong đó, số tiền nợ gốc là 9.240.000 đồng, nợ lãi là 10.730.951 đồng)

Tổng số tiền nợ gốc và lãi đối với cả hai hợp đồng tính đến ngày 26/11/2019 là 157.677.367 đồng (trong đó, số tiền nợ gốc là 112.539.948 đồng, nợ lãi là 45.137.419 đồng).

Ngân hàng VPBank đã nhiều lần thông báo, làm việc yêu cầu trả nợ nhưng ông T, bà L vẫn cố tình không trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng VPBank khởi kiện yêu cầu ông

T, bà L trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi của hai hợp đồng nói trên. Trường hợp ông T, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng VPBank được quyền tự xử lý hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản để đảm bảo thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập các đương sự đến tham gia giải quyết vụ án nhiều lần nhưng chỉ có nguyên đơn có mặt, phía bị đơn đều vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của ông T, bà L và tổ chức để các đương sự hòa giải với nhau được. Toà án đã đến làm việc tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã Q và đến tại nhà của ông T, bà L để tống đạt các văn bản tố tụng liên quan cho ông T, bà L. Tuy nhiên, UBND xã Q xác nhận uỷ ban đã cử người đến nhà ông T, bà L nhiều lần để giao các văn bản tố tụng mà Toà án gửi đến, nhưng không giao được. Theo kết quả xác minh tại UBND xã Q thì ông T, bà L hiện sinh sống tại xã Q nhưng thường xuyên vắng nhà, chỉ trở về nhà vào buổi tối nên uỷ ban không thể tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Toà án được. Vì vậy, Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng liên quan đối với ông T, bà L theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử và niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng giấy triệu tập đến phiên tòa vào ngày 08 tháng 11 năm 2019, nhưng ông T, bà L không có mặt để giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà. Ngày 26/11/2019 Toà án tiếp tục mở phiên toà lần hai, niêm yết công khai Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đến phiên toà nhưng ông T, bà L vẫn tiếp tục vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vấn đề gì vi phạm. Nguyên đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về mặt nội dung: Đề nghị căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L; căn cứ vào các Điều 299, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự, Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VPBank, buộc

anh ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L phải trả toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (26/11/2019) cho Ngân hàng VPBank, số tiền là 157.677.367 đồng (trong đó, số tiền nợ gốc là 112.539.948 đồng, nợ lãi là 45.137.419 đồng).

Trường hợp ông T, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng VPBank được quyền tự xử lý hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản để đảm bảo thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Ngân hàng VPBank có đơn khởi kiện về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng đối với ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L. Hiện tại ông T đang có hộ khẩu thường trú tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; bà L có hộ khẩu thường trú tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: mặc dù Toà án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, Hợp đồng tín dụng số LN1705090047143 ngày 16/05/2017 và Hợp đồng thẻ tín dụng số 199-P-317461 giữa Ngân hàng VPBank và ông T, bà L được ký kết dựa trên ý chí tự nguyện và các bên đều có đủ năng lực tham gia giao dịch dân sự; mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp và đúng quy định của pháp luật nên các hợp đồng ký kết giữa Ngân hàng VPBank và ông T, bà L là hoàn toàn hợp pháp theo quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết.

Quá trình thực hiện Hợp đồng ông T, bà L đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, vi phạm định kỳ trả nợ, vi phạm Hợp đồng đã ký kết, làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Phía Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà L trả nợ nhưng tính đến nay ông T, bà L chỉ trả được 16.700.052 đồng tiền gốc, 9.744.255 đồng tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số LN1705090047143 ngày

16/5/2017 và trả 760.000 đồng tiền gốc, 5.416.389 đồng tiền lãi của Hợp đồng thẻ tín dụng số 199-P-317461. Tổng cộng ông T, bà L đã trả hai hợp đồng số tiền gốc là 17.460.052 đồng, số tiền lãi là 15.160.644 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (26/11/2019) ông T, bà L còn nợ Ngân hàng tại Hợp đồng tín dụng tín dụng số LN1705090047143 ngày 16/5/2017 số tiền là 137.706.416 đồng (trong đó nợ gốc 103.299.948 đồng, nợ lãi là 34.406.468 đồng) và dư nợ tại Hợp đồng thẻ tín dụng số 199-P-317461 với số tiền là 19.970.951 đồng (trong đó nợ gốc 9.240.000 đồng, nợ lãi 10.730.951 đồng). Tổng cộng ông T, bà L còn nợ ngân hàng số tiền của cả hai Hợp đồng là 157.677.367 đồng (trong đó nợ gốc 112.539.948 đồng, nợ lãi là 45.137.419 đồng). Vì vậy, ông T, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết trong các Hợp đồng tín dụng. Do đó, việc Ngân hàng VPBank khởi kiện yêu cầu ông T, bà L trả toàn bộ số nợ gốc và lãi là đúng với thoả thuận của các bên theo quy định tại hợp đồng đã ký kết và phù hợp với khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng; các Điều 463,466 và 468 của Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận. Trường hợp ông T, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng VPBank có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng VPBank có đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ nên đã nộp 3.000.000 đồng để phục vụ cho Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VPBank được chấp nhận nên ông T, bà L phải nộp 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ để trả lại cho Ngân hàng VPBank theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể là (157.677.367 x 5%) = 7.883.868 đồng để sung vào công quỹ Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng VPBank số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 299, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T. Buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền của hai hợp đồng tính đến ngày 26/11/2019 là 157.677.367 đồng (trong đó, nợ gốc là 112.539.948 đồng, nợ lãi là 45.137. 419 đồng). Cụ thể: Hợp đồng tín dụng tín dụng số LN1705090047143 ngày 16/5/2017 số tiền là 137.706.416 đồng (trong đó nợ gốc 103.299.948 đồng, nợ lãi là 34.406.468 đồng) và Hợp đồng thẻ tín dụng số 199-P-317461 với số tiền là 19.970.951 đồng (trong đó nợ gốc 9.240.000 đồng, nợ lãi 10.730.951 đồng).

Trường hợp ông T, bà L không trả được nợ thì Ngân hàng T có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thị xã B xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

3. Về chi phí tố tụng: xử buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L phải nộp 3.000.000 đồng để trả lại cho Ngân hàng T.

4. Về án phí: Buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L phải nộp số tiền 7.883.000 đồng tiền án phí sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.141.925 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002432 ngày 29/7/2019.

"Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/11/2019) cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản

tiền lãi đối với khoản nợ gốc còn lại cho đến khi thi hành xong, theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.